**Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh**

**Trường THPT Trần Văn Giàu**

 **Tổ Ngữ Văn**

**NỘI DUNG TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN KHỐI 10 TUẦN 34 TỪ 20.4 ĐẾN 25.4.2020**

***( HS lưu ý:*** *Phân phối chương trình:* ***tiết 1,2,3: Ôn tập Truyện Kiều****,* ***tiết 4: Bài tập đọc hiểu****. HS lưu ý trong 4 tiết này, GV vừa ôn tập Truyện Kiều vừa kết hợp ôn đọc hiểu và có gợi ý làm bài. Vì vậy, HS ghi chép nội dung ôn tập và làm bài tập sáng tạo – dù đã có gợi ý – làm vào tập bài học để GV tiện kiểm tra và ôn tập,chấm tập cho HS****)***

1. **TÓM TẮT VÀ GIÁ TRỊ CỦA TRUYỆN KIỀU**
2. ***Tóm tắt nội dung Truyện Kiều***

 Thúy Kiều, nhân vật chính trong Truyện Kiều, một cô gái tài sắc vẹn toàn, có tâm hồn cao thượng. Nhận dịp du xuân, nàng gặp Kim Trọng, một chàng trai hào hoa phong nhã. Hai người yêu nhau và cùng nhau thề nguyền thủy chung. Nhưng tai họa bất ngờ ập đến với Kiều. Gia đình bị nạn, Kiều tự nguyện bán mình chuộc cha và nhờ em là Thúy vân nối duyên cùng chàng Kim trong tâm trạng khổ đau bởi bi kịch tình yêu dang dở, tan vỡ, Kiều đặt chữ hiếu làm trọng. Bị bọn Mã Giám Sinh và Tú Bà đưa vào lầu xanh, Kiều định tự tử để thoát khỏi cảnh ô nhục nhưng không được. Sau lần mắc mưu Sở Khanh đi trốn bị bắt lại, bị đánh đập tàn nhẫn, nàng đành chịu tiếp khách lầu xanh. Ít lâu sau, Kiều được Thúc Sinh - một kẻ giàu có say mê nàng, chuộc nàng về làm vợ lẽ. Nhưng chưa được một năm Kiều lại bị Hoạn Thư, vợ cả của Thúc Sinh, bày mưu bắt về hành hạ. Nàng bị bắt làm con ở, hầu rượu, gãy đàn mua vui cho vợ chồng . Sau đó Kiều bỏ trốn khỏi nhà Hoạn Thư nhưng lại lọt vào một lầu xanh khác. Ở đây, nàng gặp Từ Hải và trở thành vợ người anh hùng này. Phất cờ khởi nghĩa, hùng cứ một phương, Từ Hải giúp Kiều báo ân báo oán. Nhưng cũng chẳng bao lâu, Kiều bị mắc lừa Hồ Tôn Hiến, nàng khuyên Từ Hải ra hàng phục triều đình, Từ Hải bị mắc mưu Hồ Tôn Hiến, chết đứng giữa trận tiền. Kiều bị làm nhục và bị ép gả cho một viên thổ quan. Đau xót và tủi nhục, nàng đã tự tử ở sông Tiền Đường nhưng lại được sư Giác Duyên cứu sống. Kim Trọng và gia đình Thúy Kiều đi tìm. Sau mười lăm năm trời lưu lạc, Kiều trở lại sum họp với gia đình. Nàng từ chối không chắp nối mối duyên xưa cùng Kim Trọng mà họ trở thành bạn bè để giữ tình cảm cho được trong sáng và đẹp đẽ.

**II.*****Những giá trị giá trị nổi bật của tác phẩm:***

1. Về nội dung:

\* Giá trị hiện thực:

- Phơi bày hiện thực xã hội phong kiến bất công.

- Phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

\* Giá trị nhân đạo: Giá trị chính của “Truyện Kiều” là giá trị nhân đạo. Giá trị này được thể hiện ở hai phương diện sau:

- “Truyện Kiều” là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí và ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người:

- Thể hiện ước mơ đẹp đẽ của mình về một tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy trong xã hội mà quan niệm hôn nhân phong kiến còn hết sức khắc nghiệt. Mối tình Kim – Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc.

- Thể hiện khát vọng công lí tự do, dân chủ giữa một xã hội bất công, tù túng đầy ức chế, tàn bạo. Nguyễn Du đã xây dựng nhân vật Từ Hải – người anh hùng hảo hán, một mình dám chống lại cả cái xã hội bạo tàn ấy. Từ Hải là khát vọng của công lí, là biểu tượng cho tự do dân chủ.

- Ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người: vẻ đẹp tài sắc, trí tuệ thông minh,lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, ý thức vị tha, đức thủy chung. Thúy Kiều, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó!

- “Truyện Kiều” còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo,chà đạp lên quyền sống con người. Thế lực tàn bạo đó, khi là bộ mặt bọn quan lại tham lam, đê tiện, bỉ ổi – đầu mối của mọi xấu xa trong xã hội ( Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh,Sở Khanh, Tú Bà…), có khi lại là sự tàn phá, hủy diệt hung hiểm của đồng tiền trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ, trong tay bọn người bất lương tàn bạo đã phát huy tất cả sức mạnh của nó, đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán.

2. Về nghệ thuật:

- Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại.

- Với “Truyện Kiều”,ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnhcao rực rỡ.

- Với “Truyện Kiều”,nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và biệt tài miêu tả tâm lí con người.

**B.** **ÔN TẬP TRAO DUYÊN – KẾT HỢP BÀI TẬP ĐỌC HIỂU**

**Câu 1**: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*"Cậy em, em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim ,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
Sự đâu sòng gió bất kỳ,
Hiều tình khôn lẽ hai bề vẹn hai?
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây."*

( Trích Trao duyên, Trang 104, Ngữ văn 10, Tập II,NXBGD, 2006)

1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.
2/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong hai câu thơ: Kể từ khi gặp chàng Kim/Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
3/ Xác định thành ngữ và nêu tác dụng của các thành ngữ trong 2 câu thơ:Chị dù thịt nát xương mòn,Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.
4/ Kiều đã ràng buộc Vân nhận lời trao duyên của mình như thế nào?

**GỢI Ý**

1/ Văn bản trên có nội dung chính: Thuý Kiều nhờ cậy Thuý Vân thay mình kết duyên với Kim Trọng ;

Phong cách ngôn ngữ của văn bản là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

2/ Biện pháp tu từ trong hai câu thơ: Kể từ khi gặp chàng Kim/Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề :

Phép điệp từ khi 3 lần ;
– Phép liệt kê : khi gặp chàng Kim ; Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề :

Hiệu quả nghệ thuật: Một loạt điệp từ, liệt kê đem lại cho lời kể của Kiều giọng điệu tha thiết, dồn dập, tha thiết. Kiều không chỉ kể lại mà nàng dường như đang trở về để sống với quá khứ đẹp một lần nữa

3/ Thành ngữ: thịt nát xương mòn ; ngậm cười chín suối

Tác dụng của các thành ngữ : chứng tỏ Nguyễn Du am hiểu và vận dụng khéo léo thành ngữ dân gian trong Truyện Kiều. Những thành ngữ đó có tác dụng thuyết phục, đưa Vân vào tình thế phải nhận lời. Điều đó thể hiện sự thông minh, khéo léo của Kiều.

4/ Kiều đã ràng buộc Vân nhận lời trao duyên của mình:

– Thuý Kiều đã dùng cách nói nhún nhường nhưng mang hàm nghĩa giao phó: cậy (rất khác với nhờ)…câu hỏi tu từ vẻ như ướm hỏi nhưng mang hàm ý bắt buộc .

– Thuý Kiều đã dùng nghi thức rất trang trọng: ngồi lên-lạy-thưa .

– Kiều sử dụng cách cậy nhờ vào tuổi thanh xuân của em ( ngày xuân em hãy còn dài) qua đó ràng buộc Vân bằng lí- không thể từ chối .

– Kiều dựa vào tình máu mủ, quan hệ huyết thống ( xót tình máu mủ) qua đó ràng buộc Vân bằng tình;

– Cuối cùng, nàng lấy chính cái chết của mình tỏ lòng biết ơn để Vân không thể thoái thác ( Chị dù thịt nát xương mòn/Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây).

**Câu 2**: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*"Chiếc vành với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.
Mai sau dù có bao giờ,
Đốt lò hương ấy so tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề,
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.
Dạ đài cách mặt khuất lời,
Rưới xin giọt nước cho người thác oan."*

( Trích Trao duyên, Trang 104, Ngữ văn 10, Tập II,NXBGD, 2006)

1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.
2/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong hai câu thơ: Chiếc vành với bức tờ mây,Duyên này thì giữ vật này của chung.
3/ Tìm những từ ngữ cho thấy Kiều nghĩ đến cái chết. Việc tập trung dày đặc những từ ngữ đó có ý nghĩa gì ?
4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ vẻ đẹp phẩm chất của Kiều qua văn bản trên.

**GỢI Ý**

1/ Văn bản trên có nội dung chính: Thuý Kiều trao kỉ vật cho Thuý Vân và dặn dò những chuyện sau này.

Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm.

2/ Biện pháp tu từ trong hai câu thơ :

Phép liệt kê : chiếc vành, tờ mây ; Duyên này, vật này
Phép điệp từ : này
Hiệu quả nghệ thuật : Diễn tả hành động và tâm trạng của Kiều khi trao duyên. Câu thơ “Duyên này thì giữ vật này của chung” là một câu thơ đặc biệt. Nó diễn tả những biến tấu phức hợp đang xung đột, giằng xé trong tâm trạng Kiều. Duyên ở đây là nhân duyên, tức là sự đưa đẩy của số phận cho đôi lứa đến với nhau. Duyên này thì em giữ, nhưng vật này lại là của chung. Ta bắt gặp cái phi lôgíc, có lẽ Kiều đang bối rối trong sự phân chia giữa “duyên này” với “vật này”. Lời lẽ của Kiều có vẻ như là Kiều còn muốn níu giữ lại cho mình, không muốn trao hết cho Vân. Ngôn ngữ phân chia là ngôn ngữ đối thoại, còn cái lúng túng, bối rối là ngôn ngữ tự thoại bên trong. Vật có thể trao, nhưng tình khó mà trao hết được, bởi nó là vô hình, là tiếng lòng đang thổn thức, làm sao mà chia sẻ được tình yêu.

3/ Những từ ngữ cho thấy Kiều nghĩ đến cái chết: chín suối, người mệnh bạc, hồn, nát thân bồ liễu, dạ đài, người thác oan,…

Việc tập trung dày đặc những từ ngữ đó có ý nghĩa : Với Kiều, mất tình yêu với Kim Trọng là một mất mát không sao tả xiết.Vì thế, sau khi trao duyên lại cho em, Kiều rơi vào một bi kịch của đau thương tang tóc. Nàng đã nghĩ về cái chết. Kiều coi mình đã chết, bởi trao duyên là trao cả trái tim mình, thì có sống cũng như đã chết. Đến khi chết, hồn vẫn quanh quất, vương vấn đâu đây. Rất nhiều từ ngữ xuất hiện trong đoạn thơ tập trung diễn tả ý nghĩ này.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: từ hành động và tâm trạng của Kiều khi trao duyên trong văn bản, thí sinh suy nghĩ về vẻ đẹp phẩm chất đáng quý của nàng. Đó là sự hi sinh, lòng vị tha, chung thuỷ, không chỉ sống cho riêng mình mà cho tất cả mọi người. Nàng trao duyên chứ không trao tình. Nàng hi vọng vào sự bất tử của linh hồn để có thể về với người tình cũ. Nàng hi vọng vào sự tri âm, vào tấm lòng của Kim Trọng để cùng nhau giao cảm…

**Câu 3**: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Bây giờ trâm gãy gương tan,
Kể lam sao xiết muôn vàn ái ân!
Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi,
Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
Ôi Kim Lang!Hỡi Kim Lang!
Thôi thôi thíêp đã phụ chàng từ đây!*

(Trích Trao duyên, Trang 104, Ngữ văn 10, Tập II,NXBGD, 2006)

1/ Văn bản trên có ý chính là gì? Xác định thể thơ của văn bản?
2/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ về từ trong văn bản?
3/ Tìm những từ ngữ chỉ hành động của Kiều? Những hành động đó có ý nghĩa gì?
4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ phân tích vẻ đẹp nghệ thuật và nội dung hai câu thơ Ôi Kim Lang!Hỡi Kim Lang!Thôi thôi thíêp đã phụ chàng từ đây!

**GỢI Ý**

1/ Văn bản trên có ý chính: Kiều trở về trong thực tại đau xót khi nhớ đến Kim Trọng.

Thể thơ: lục bát.

2/ Biện pháp tu từ về từ trong văn bản:

– Ẩn dụ: trâm gãy gương tan ( chỉ tình yêu tan vỡ); nước chảy hoa trôi ( chỉ sự tàn tạ của đời người)

– So sánh: phận bạc như vôi

Hiệu quả nghệ thuật: Biện pháp tu từ so sánh và ẩn dụ ( cũng là cách dùng thành ngữ dân gian) đã làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh, gợi tâm trạng đau khổ tột cùng của Kiều khi nàng trở về với hiện tại để khóc than cho bi kịch tình yêu của mình. Qua đó, ta thấy tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du dành cho người con gái tài hoa bạc mệnh, ca ngợi tấm lòng thuỷ chung trong tình yêu của nàng.

3/ Các hành động của Kiều và ý nghĩa:

– Lạy: cái lạy tạ lỗi, vĩnh biệt người yêu

– Hai lần gọi tên Kim Trọng: tức tưởi, nghẹn ngào, đau đớn đến mê sảng.

– Nàng tự nhận mình là “phụ chàng”: Thúy Kiều từ chỗ nhận mình là người mệnh bạc, giờ lại tự nhận là người phụ bạc chàng Kim. Nàng tự nhận lỗi về mình. Đó là sự hi sinh cao cả, gợi vẻ đẹp nhân cách của Kiều: sống cho người khác chứ không phải sống cho mình.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Hai câu thơ cuối là tiếng khóc nức nở tuyệt vọng của Kiều. Nguyễn Du đã khéo léo kết hợp hai thán từ chỉ sự đau đớn “ôi”, “hỡi”; điệp lại tên Kim Trọng hai lần ; hai dấu chấm than ngăn cách vế câu cùng sự thay đổi nhịp thơ sang 3/3 để nhấn mạnh nỗi đau nhân đôi của Kiều. Kiều đã nhận tất cả lỗi về mình. Không phải do nàng không còn yêu Kim Trọng nữa. Sự dang dở của tình yêu là do tác động của hoàn cảnh khách quan mang lại. Kiều hi sinh tình yêu vì chữ hiếu. Kiều là cô gái giàu đức hi sinh, lòng vị tha, luôn vì hạnh phúc của người mình yêu.

**GỢI Ý**

**Câu 4:** Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*TÂM SỰ NÀNG THÚY VÂN*

*Nghĩ thương lời chị dặn dò
Mười lăm năm đắm con đò xuân xanh
Chị yêu lệ chảy đã đành
Còn em nước mắt đâu dành chàng Kim*

*Ô kìa sao chị ngồi im
Máu còn biết chảy về tim để hồng
Lấy người yêu chị làm chồng
Đời em thể thắt một vòng oan khiên*

*Sụt sùi ướt cỏ Đạm Tiên
Chị thương kẻ khuất đừng quên người còn
Mấp mô số phận vuông tròn
Đất không thể dấu linh hồn đòi yêu*

*Là em nghĩ vậy thôi Kiều
Sánh sao đời chị ba chiều bão giông
Con đò đời chị về không
Chở theo tiếng khóc đáy sông Tiền Đường*

*Chị nhiều hờn giận yêu thương
Vầng trăng còn lấm mùi hương hẹn hò
Em chưa được thế bao giờ
Tiết trinh thương chị đánh lừa trái tim*

*Em thành vợ của chàng Kim
Ngồi ru giọt máu tượng hình chị trao
Giấu đầy đêm nỗi khát khao
Kiều ơi em đợi kiếp nào để yêu.*

(Trương Nam Hương)

1/ Nêu ý nghĩa nhan đề Tâm sự nàng Thuý Vân của nhà thơ Trương Nam Hương?
2/ Chỉ ra và nêu ý nghĩa các từ láy trong văn bản?
3/ Bốn câu thơ cuối gửi gắm bức thông điệp gì của nhà thơ Trương Nam Hương?
4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ cảm nhận của em về hình ảnh của Thuý Vân trong bài thơ của Trương Nam Hương qua sự đối chiếu so sánh với nhân vật này trong đoạn trích Trao duyên.

**GỢI Ý**

1/ Nhan đề Tâm sự nàng Thuý Vân của nhà thơ Trương Nam Hương: tác giả đã hoá thân vào nhân vật Thuý Vân trong Truyện Kiều để nói hộ tâm sự của nàng: vừa thương thân phận chị ( Thuý Kiều) vừa thương chính thân phận mình và cũng không ít trách móc dỗi hờn.

2/ Các từ láy trong văn bản: dặn dò;thể thắt;Sụt sùi;Mấp mô;hẹn hò;khát khao

Ý nghĩa các từ láy: vừa gợi hình ảnh, vừa gợi tâm trạng của nàng Thuý Vân. Hiện ra một Thuý Vân xót xa đau đớn trong một tình yêu đầy bi kịch với chàng Kim Trọng, đồng thời diễn tả sự cảm thông của nhà thơ Trương Nam Hương về khát vọng một tình yêu chân chính của nàng.

3/ Bốn câu thơ cuối gửi gắm bức thông điệp của nhà thơ Trương Nam Hương: nói không với hôn nhân không tình yêu.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung:

+ Thuý Vân của Nguyễn Du trong cảnh Trao duyên không nói một lời nào. Với Nguyễn Du, nàng chỉ là nhân vật phụ. Nàng xuất hiện chỉ để Nguyễn Du khắc hoạ bi kịch của Kiều.

+ Với Trương Nam Hương, Thuý Vân không còn là nhân vật phụ nữa. Cũng như Kiều, nàng hiện lên với một bi kịch nội tâm không dễ chia sẻ vì chị mà nhận lời trao duyên nhưng cũng vì thế mà trái tim nàng vĩnh viễn không được biết đến tình yêu.

**Câu 5**: Em có suy nghĩ gì về hai câu đầu khi Kiều ngỏ lời như vậy? “Cậy” có nghĩa như thế nào? Tại sao không thay bằng những từ khác đồng nghĩa? “Chịu lời” nghĩa là gì? Vì sao Kiều không nói là nhận lời? Em có suy nghĩ gì về cử chỉ này qua lời thoại?

**Trả lời**

– Những điều quan trọng, thiêng liêng: cậy, chịu, lạy, thưa.

– “cậy” là giúp đỡ chứ không phải nhờ.

+ Thanh trắc à âm điệu nặng nề gợi sự quằn quại, đau đớn, khó nói > < nhờ
+ Hàm ý hi vọng tha thiết, có ý tựa nương, gửi gắm, vật nài, tin tưởng nơi quan hệ ruột thịt.
=>“cậy” là thể hiện niềm tin,chỉ có em là người tin cậy nhất. Vì thế, “cậy” có sức nặng của niềm tin hơn.

– “Chịu lời” chứ không phải nhận lời”. Khi nói “nhận lời” là người khác có thể chối từ, còn khi nói “chịu lời” là bắt người mình tin phải nghe theo không thể chối từ.

– “Ngồi lên – lạy- thưa”: là những thái độ của người bề trên hoặc với những người có ơn với mình.

– kiều lạy là lạy đức hy sinh cao cả của Thúy Vân, bởi rồi đây Thúy Vân phải chấp nhận cưới một người không yêu mình:

“Lấy người yêu chị làm chồng,
Đời em thể thoắt một vòng oan khiên”.

Hai câu đầu đoạn trích, ta nhận ra dù trong hoàn cảnh tan nát lòng thì Thúy Kiều vẫn dùng những lời lẽ đoan trang tế nhị.

* HẾT-